TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B** TỈNH HÀ GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2020/HS-ST
Ngày 19/6/2020.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH HÀ GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Văn Thuận.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông: Nguyễn Văn Ái
Bà: Dương Thị Ngọc Thủy

-***Thư ký phiên tòa***: Bà Thiều Thị Minh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Giang.

-***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Hà Giang***: Ông Ngô Quang Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 07/2020/TLST-HS ngày 27/5/2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2020/QĐXXST-HS ngày 08/6/2020 đối với: Bị cáo Mua A P - Tên gọi khác: Không; Sinh năm 2000; Nơi sinh: huyện B, tỉnh Hà Giang; Trú tại: Thôn L, xã G, huyện B, tỉnh Hà Giang; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Mông; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Mua A V, sinh năm 1963 và con bà: Thào Thị V, sinh năm 1961; Có 04 anh em ruột, bị cáo là con thứ 3 trong gia đình; Có vợ: Giàng Thị N, sinh năm 2001 và có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2018, con nhỏ nhất sinh năm 2020; Tiền sự, tiền án: Không; Nhân thân: Không; hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn theo lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 03 ngày 29/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện B tỉnh Hà Giang (Có mặt).

*** Người bào chữa cho bị cáo:**
Ông: Nguyễn Xuân G - Trợ giúp viên pháp lý.
Nơi công tác: Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hà Giang.(Có mặt)

*** Nguyên đơn dân sự: Ủy ban nhân dân xã G, huyện B, tỉnh Hà Giang.**
Đại diện theo ủy quyền ông Đặng Văn D.
Chức vụ: Chủ tịch Ủy Ban nhân dân xã G huyện B, tỉnh Hà Giang. (Vắng mặt có lý do)

*** Người làm chứng:**
- Anh: Thào A S; Sinh năm: 1997
Trú tại: thôn Khuổi Phủng, xã G, huyện B, tỉnh Hà Giang.

(Có mặt)

- Anh: Thào A M; Sinh năm 1991.
- Anh Thào A P; sinh năm 1970.
- Anh Sùng A P; sinh năm 1991.
- Anh : Sùng Mí T; sinh năm 1992.

Cùng trú tai: Thôn L, xã G, huyện B, tỉnh Hà Giang.

(Có mặt)

- Anh: Ma A D; sinh năm 1983.

Trú tai: thôn Cốc Phát, xã Quảng Lâm, huyện Bảo lâm, tỉnh Cao Bằng.

(Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Do có nhu cầu làm nhà ra ở riêng Mua A P đã nảy sinh ý định đi lên khu rừng của thôn để tìm cây gỗ xẻ làm xà, cột nhà. Ngày 17/12/2019 P mang theo 01 máy cưa xăng màu đỏ đen và 01 can nhựa màu vàng loại 05 lít dùng để đựng xăng, đi vào khu rừng giáp ranh giữa Thôn L và thôn K, xã G, huyện B để tìm cây gỗ xẻ làm nhà để ở khi đi lên khu rừng P phát hiện thấy có 04 cây gỗ Sến còn tươi sống, mọc thẳng đứng, P sử dụng máy cưa cắt đổ lần lượt cả 04 cây gỗ Sến trong cùng một ngày. Sau khi cắt đổ P giấu máy cưa xăng ở tại hiện trường và mang theo can xăng đi về nhà.

Đến ngày 18/12/2019 P gọi điện thoại cho Thào A P và Thào A M cùng trú tại Thôn L, xã G; Thào A S, trú tại thôn K, xã G, huyện B và đi sang nhà Mạ Văn D, trú tại thôn P, xã Q, huyện B, tỉnh Cao Bằng (*đều là anh em họ hàng với P*) để nhờ giúp xẻ gỗ làm nhà ở và được mọi người đồng ý.

Sáng ngày 19/12/2019 Mạ Văn D đến nhàM A P sau đó P mang theo 01 can nhựa màu vàng loại 05 lít chứa đầy xăng, 01 cuộn dây dù đã nhuộm đen dùng để bật mực dài khoảng 10m đi sang nhàM,P,S rồi cùng nhau đi lên khu rừng của thôn mà trước đó P đã cắt đổ 04 cây gỗ Sến. Sau khi lên đến nơi, P đi lấy chiếc máy cưa xăng đã giấu trước đó rồi chỉ dẫn choM,P,S, D đến vị trí cây gỗ Sến thứ ba cách vị trí cây gỗ Sến thứ hai 50m về hướng Đông Bắc *(theo biên bản khám nghiệm hiện trường ký hiệu G03),* khi đến nơi P sử dụng máy cưa xăng cắt rời một đoạn gỗ sát gốc để cho phẳng, sau đó cùngP,M,S và D kê đà phần thân cây gỗ Sến. Sau khi kê đà xong P sử dụng sải tay đo phần thân cây gỗ Sến được một đoạn dài khoảng 09m rồi dùng máy cưa cắt rời khỏi phần ngọn cây những người còn lại sử dụng cuộn dây dù mang theo để bật mực trên thân cây. Sau khi bật mực xong P sử dụng máy cưa xăng xẻ được 11 thanh gỗ dạng xà *(có kích thước dài từ 2,26m đến 9,56m)* và 01 thanh gỗ dạng cột *(có kích thước dài:*

3,48m x rộng: 0,19m x dày: 0,18m) sau khi xẻ xong thì cả 5 người cùng nghỉ ăn cơm trưa.

Buổi chiều cùng ngày P tiếp tục chỉ dẫnP,M,S, D đến vị trí cây gỗ Sến thứ tư cách cây gỗ Sến thứ ba khoảng 60m về hướng Đông Bắc *(theo biên bản khám nghiệm hiện trường ký hiệu G04)* P cùng với P,M,S, D đã xẻ được 04 thanh gỗ dạng cột *(có kích thước dài: 3,45m x rộng 0,17m)*, 02 thanh gỗ dạng cột *(có kích thước dài: 3,15m x rộng 0,17m)*, 01 thanh gỗ dạng xà *(có kích thước dài: 2,4m x rộng: 0,16m x dày: 0,09m)*, 01 thanh gỗ dạng xà *(có kích thước dài: 2,35m x rộng: 0,17m x dày: 0,09m)*.

Đến khoảng 15 giờ thì xẻ xong P đi cất giấu máy cưa xăng, can đựng xăng tại hiện trường rồi cả 5 người đi về nhà.

Đến sáng ngày 20/12/2019 P một mình đi lên khu vực xẻ gỗ rồi đi đến vị trí giấu máy cưa và can xăng lấy rồi đi đến vị trí cây gỗ Sến thứ nhất *(theo biên bản khám nghiệm hiện trường ký hiệu G01)* P tiến hành xẻ thân cây gỗ Sến được 02 thanh gỗ dạng cột trong đó 01 thanh *(có kích thước dài: 2,46m x rộng: 0,18m x dày: 0,15m)*, 01 thanh *(có kích thước dài: 3,4m x rộng: 0,17m x dày: 0,16m)*. Sau khi xẻ xong P để lại toàn bộ số gỗ đã xẻ được tại hiện trường rồi mang theo máy cưa xăng, can đựng xăng đi về nhà.

Ngày 21/12/2019 P tiếp tục mang máy cưa xăng đi lên khu vực xẻ gỗ, khi đang xẻ cây thứ nhất thì bị tổ tuần rừng thôn K, xã G phát hiện và lập biên bản đồng thời báo trưởng thôn Thôn L giải quyết theo quy định. Sau khi bị phát hiện P có làm đơn đề nghị thôn xin xẻ gỗ về để làm nhà nhưng do gần tết nên chưa nộp.

Đến khoảng tháng 02/2020 *(không nhớ ngày)*,M A P đã dắt một con trâu của gia đình đến vị trí cây gỗ Sến thứ ba (G03) kéo 01*(một)* thanh xà *(có kích thước dài 9,56m, rộng: 16cm, dày: 03cm)* về cất giữ tại nhà.

Ngày 18/02/2020M A P đã tự nguyện giao nộp 01 máy cưa xăng màu đỏ nhãn hiệu: GASOLINE SAW 5900; 01 xích máy cưa, đã qua sử dụng. 01 can nhựa màu vàng đáy can có chữ VIET NHAT, đã qua sử dụng.

Ngày 18/03/2020, Hạt kiểm lâm huyện B phối hợp với các ngành chức năng tiến hành khám nghiệm hiện trường tại khu rừng thuộc Thôn L, xã G huyện B xác định như sau:

- Cây số 1***(G01)*** có khối lượng đã quy tròn là: 4,129m^3 *(Bốn phẩy một trăm hai mươi chín mét khối)* trong đó bao gồm:

+ Gỗ tròn *(gốc, khúc, cành)* có khối lượng là: 1,041m^3 *(một phẩy không trăm bốn mươi mốt mét khối);*

+ Gỗ xẻ *(cột, xà, bắp bìa)* có khối lượng là: 1,936m^3 *(một phẩy chín trăm ba mươi sáu mét khối),* quy tròn là: 3,088m^3 *(ba phẩy không trăm tám mươi tám mét khối);*

- Cây số 2***(G02)*** đã cắt đổ chưa bị khai thác, có khối lượng là: 4,687m^3 *(Bốn phẩy sáu trăm tám mươi bảy mét khối);*

- Cây số 3***(G03)*** có khối lượng là: 5,860m^3 *(Năm phẩy chín trăm ba mươi ba mét khối)* trong đó bao gồm:

+ Gỗ tròn *(gốc, khúc, cành)* có khối lượng là: 1,348m^3 *(một phẩy ba trăm bốn mươi tám mét khối);*

+ Gỗ xẻ *(cột, xà, bắp bìa)* có khối lượng là: 2,866m^3 *(hai phẩy tám trăm sáu mươi sáu mét khối),* quy tròn là: 4,585m^3 *(bốn phẩy năm trăm tám mươi năm mét khối);*

- Cây số 4***(G04)*** có khối lượng là: 4,460m^3 *(Bốn phẩy bốn trăm sáu mươi mét khối)* trong đó bao gồm:

+ Gỗ tròn *(gốc, khúc, cành)* có khối lượng là: 2,5m^3 *(hai phẩy năm mét khối);*

+ Gỗ xẻ *(cột, xà, bắp bìa)* có khối lượng là: 1,225m^3 *(một phẩy hai trăm hai mươi lăm mét khối),* quy tròn là: 1,960m^3 *(một phẩy chín trăm sáu mươi mét khối);*

Tổng khối lượng 04 *(Bốn)* cây gỗ Sến là: 19,136m^3 *(Mười chín phẩy hai trăm linh chín mét khối).*Hiện số gỗ trên đã tạm giao cho UBND xã G quản lý.

Ngày 29/4/2020 tại nhà của gia đìnhM A P Cơ quan CSĐT Công an huyện B đã thu giữ 01 thanh gỗ dạng xà có kích thước 9,56m x 16cm x 03cm có khối lượng 0,046m^3. Khối lượng quy tròn là 0,073m^3 (*Không phẩy không trăm bảy mươi ba mét khối*).

Tại Công văn số 06 ngày 30/03/2020 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện B xác định vị trí cây gỗ Sến bị khai thác bao gồm: 02 cây (ký hiệu G01, G03) thuộc lô 15, 01 cây (ký hiệu G02) thuộc lô 22, khoảnh 9, tiểu khu 122 chức năng rừng sản xuất là rừng tự nhiên và 01 cây (ký hiệu G04) thuộc lô 10 khoảnh 5, tiểu khu 122 chức năng rừng phòng hộ là rừng tự nhiên theo bản đồ quy hoạch ba loại rừng ban hành kèm theo Quyết định 1619/QĐ-UBND, ngày 30/7/2018 của UBND tỉnh Hà Giang về điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng (sản xuất, phòng hộ, đặc dụng), do UBND xã G, huyện B, tỉnh Hà Giang quản lý.

Trong vụ án này Mua A P đã trực tiếp cắt hạ 04 cây gỗ Sến nhóm II gỗ thông thường có khối lượng là: 19,136 m^3, trong đó 03 cây thuộc rừng sản xuất là rừng tự nhiên có khối lượng: 14,676 m^3; 01cây thuộc rừng phòng hộ, có khối lượng là: 4,460m^3.Theo quy định tại khoản 6, Điều 6, Nghị định Số: 35/2019/NĐ-CP, ngày 25/04/2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệm quy định *"Trường hợp một hành vi vi phạm hành chính gây thiệt hại nhiều loại rừng: rừng sản xuất, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng hoặc tang vật vi phạm gồm nhiều loại lâm sản khác nhau nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự, thì xác định tiền phạt của hành vi vi phạm theo từng loại rừng hoặc từng loại lâm sản*". Do vậyM A P chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự đối với việc khai thác trái phép 03 cây gỗ Sến thuộc rừng sản xuất là rừng tự nhiên với tổng khối lượng 14,749 m^3, còn đối với 01 cây gỗ Sến thuộc rừng phòng hộ có tổng khối lương 4,460m^3 do không đủ khối lượng do vậy chuyển cơ quan chức năng xử lý hành chính.

Tại bản kết luận về việc định giá tài sản số 09 ngày 05/5/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong TTHS huyện B kết luận: Tổng trị giá 04 cây gỗ Sến nhóm II gỗ thông

thường có khối lượng 19,209m^3 x 7.600.000đ/ m^3 = 145.988.400đ (*Một trăm bốn mươi năm triệu, chín trăm tám mươi bảy nghìn sáu trăm đồng*).

Trong đó cây số 04 có khối lượng 4,460 x 7.600.000đ/m^3 = 33.896.000đ. (*Ba mươi ba triệu tám trăm chín mươi sáu nghìn đồng*).

Tổng giá trị tài sảnM A P gây thiệt hại là 145.988.400đ - 33.896.000đ = 112.091.400đ (*Một trăm mười hai triệu không trăm chín mươi mốtt nghìn bốn trăm đồng*)

Quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã tạm giữ:

+ 04 cây gỗ Sến nhóm II gỗ thông thường có tổng khối lượng 19,209 m^3. Hiện giao cho UBND xã GiápTrung, huyện B quản lý.

+ 01 thanh gỗ dạng xà có kích thước 9,56m x 16cm x 03cm có khối lượng 0,046m^3. Khối lượng quy tròn là 0,073m^3 hiện giao cho gia đình P và UBND xã G, huyện B quản lý.

+ 01 máy cưa xăng màu đỏ - đen; nhãn hiệu: GASOLINE SAW 5900; 01 lam máy cưa xăng, màu xám - đen, 01 xích máy cưa, đã qua sử dụng.

+ 01can nhựa màu vàng, có chữ VIET NHAT, đã qua sử dụng.

Đối với cuộn dây dù dùng để bật mực sau khi khai thác gỗ Sến trái phép P đã vứt trên rừng không thu hồi được.

Đối với 01 con trâu P dùng để kéo 01 thanh xà về gia đình xác định con trâu trên là tài sản chung của hộ gia đình ông Mua A V (P là con đẻ của ông V) việc P mang trâu của gia đình đi vận chuyển gỗ trái phép gia đình ông V không biết nên không tạm giữ đối với con trâu trên.

Về trách nhiệm dân sự: Đại diện nguyên đơn dân sự UBND xã G, huyện B không yêu cầu bị cáo bồi thường.

Trước cơ quan điều tra Mua A P đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người làm chứng, phù hợp với kết quả khám nghiệm hiện trường, biên bản tạm giữ tang vật.

Trong vụ án này còn có một số hành vi và đối tượng liên quan sau:

Đối với Mua A P ngoài hành vi khai thác trái phép 03 cây gỗ Sến tại khu rừng sản suất là rừng tự nhiên P còn khai thác 01 cây gỗ Sến thuộc rừng phòng hộ, có khối lượng là: 4,460m^3 do không đủ khối lượng để xử lý hình sự. Cơ quan CSĐT Công an huyện B đã chuyển hồ sơ đề nghị Hạt Kiểm lâm huyện B xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền.

Đối với hành vi của Thào A M, Thào A P, Thào A S, Mạ A D giúp P kê đà, bật mực tại hai cây số 03 và cây số 04 (theo biên bản khám nghiệm hiện trường ký hiệu G03, G04) có tổng khối lượng 6,545m^3 *(sáu phẩy năm trăm bốn mươi năm mét khối)* Trong quá trình điều tra xác địnhM,P,S, D không được bàn bạc, hưởng lợi gì của việc

giúp P khai thác gỗ trái phép, do là họ hàng anh em trong gia đình nên nể nang giúp P khai thác trái phép. Hành vi củaM,P,S, D chưa đến mức xử lý hình sự, Cơ quan CSĐT Công an huyện B đã chuyển hồ sơ đề nghị Hạt Kiểm lâm huyện B xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền.

Đối với ông Sùng A P - Trưởng Thôn L và ông Sùng Mí T - Công an viên Thôn L

Quá trình điều tra xác định việc ông Sùng A P và ông Sùng Mí T có xác nhận vào đơn xin khai thác gỗ của Mua A P, tuy nhiên quá trình điều tra xét thấy việc xác nhận đơn trên là sau khi P đã cắt hạ và khai thác 04 cây gỗ Sến trước khi P đi khai thác cắt hạ các cây gỗ trên Sùng A P, Sùng Mí T không được bàn bạc và không biết, không được hưởng lợi gì; khi bị tổ tuần rừng thôn Khuổi Phủng, xã G phát hiện Mua A P mới viết đơn xin khai thác mục đích nhờ Sùng A P và Sùng Mí T xác nhận cho Mua A P để tiếp tục đi xin cấp trên xem xét giải quyết tiếp. Do vậy không có căn cứ để xử lý đối với ông Sùng A P và Sùng Mí T.

Tại bản cáo trạng số 10/CT-VKSBM ngày 26/5/2020, của VKSND huyện B đã truy tố bị cáo Mua A P về tội "*Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản"* theo khoản 1 Điều 232 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: *Tuyên bố bị cáo*: Mua A P phạm tội " Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản ".

- *Hình phạt*: Áp dụng khoản 1 Điều 232, Điều 50, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự. Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo từ 12 tháng đến 14 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời hạn thử thách từ 24 đến 28 tháng.

- *Hình phạt bổ sung: Không.*

- *Về trách nhiệm dân sự*: Đại diện nguyên đơn dân sự không yêu cầu bị cáo bồi thường, khắc phục hậu quả nên không đề cập.

- *Về vật chứng*: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu sung quỹ nhà nước: 03 cây gỗ Sến nhóm II gỗ thông thường có tổng khối lượng 14,749 m^3. 01 thanh gỗ dạng xà có kích thước 9,56m x 16cm x 03cm có khối lượng 0,046m^3. Khối lượng quy tròn là 0,073m^3**.**

+ 01 máy cưa xăng màu đỏ - đen; nhãn hiệu: GASOLINE SAW 5900; 01 lam máy cưa xăng, màu xám - đen, 01 xích máy cưa, đã qua sử dụng.

Tịch thu tiêu hủy: 01can nhựa màu vàng, có chữ VIET NHAT, đã qua sử dụng.

Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 6 Điều 15; Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của UBTVQH (khóa 14) quy định về án phí, lệ phí tòa án, miễn toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Trước cơ quan điều tra, tại phiên tòa bị cáo Mua A P đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người làm chứng, phù hợp với kết quả khám nghiệm hiện trường, xác định hiện trường, biên bản tạm giữ và tịch thu tang vật.

- Người bào chữa cho bị cáo có ý kiến bào chữa: nhất trí với bản luận tội của Viện kiểm sát về tội danh bị cáo Mua A P đã phạm tội "Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản" theo khoản 1 Điều 232 BLHS là đúng quy định của pháp luật. Nhưng đề nghị HĐXX xem xét các tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống tại vùng kinh tế khó khăn, trình độ nhận thức pháp luật hạn chế, trong quá trình điều tra, truy tố xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do cần vật liệu để làm nhà ở nên bị cáo mới phạm tội, nên đề nghị HĐXX cho bị cáo hưởng mức án thấp nhất viện kiểm sát đề nghị và cho bị cáo hưởng án treo đồng thời miễn án phí hình sự cho bị cáo.

Đại diện nguyên đơn dân sự, tại các lời khai tại cơ quan điều tra và tại đơn xin xét xử vắng mặt đề nghị không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại, xem xét giảm hình phạt cho bị cáo vì điều kiện gia đình bị cáo thuộc diện khó khăn, trình độ nhận thức pháp luật còn hạn chế, khó khăn về nhà ở nên bị cáo đã phạm tội.

Những người tham gia tố tụng không có tranh luận đối đáp với kiểm sát viên.

Bị cáo thực hiện quyền nói lời sau cùng xin Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh bản thân và gia đình khó khăn, xin giảm nhẹ hình phạt tạo điều kiện cho bị cáo hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi tố tụng và quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên,Viện Kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, nguyên đơn dân sự, trợ giúp viên pháp lý không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với kết quả khám nghiệm hiện trường, xác định hiện trường và các tài liệu,chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận: Ngày 17/12/2019M A P đã có hành vi khai thác trái phép 03 cây gỗ Sến nhóm II gỗ thông thường có khối lượng là 14,676 m^3 quy gỗ tròn, thuộc lô 15, lô 22, khoảnh 9, tiểu khu 122 theo bản đồ quy hoạch 3 loại rừng năm 2018 do UBND tỉnh Hà Giang phê duyệt, chức năng rừng sản xuất là rừng tự nhiên, do UBND xã G, huyện B, tỉnh Hà Giang quản lý và có giá trị là 112.091.400đ (*Một trăm mười hai*

triệu không trăm chín mươi mốt nghìn bốn trămứ đồng) Với mục đích lấy về làm nhà để ở.

[3] Xét tính chất vụ án: Vụ án thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo đã phạm vào tội "*Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản*"quy định tại khoản 1 Điều 232 Bộ luật hình sự, xâm phạm đến chế độ về quản lý và bảo vệ rừng của Nhà nước được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội, nhưng vì mục đích cá nhân khai thác gỗ để làm nhà nên bị cáo đã phạm tội. Vì vậy cần xử phạt bị cáo mức án nghiêm minh nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Đối với cây số 04 có khối lượng 4,460 x 7.600.000đ/m^3 = 33.896.000đ. (*Ba mươi ba triệu tám trăm chín mươi sáu nghìn đồng*). Thuộc rừng phòng hộ do không đủ khối lượng xử lý hình sự đã chuyển cơ quan chức năng xử lý hành chính về hành vi này.

- Đối với hành vi Thào A M, Thào A P, Thào A S, Mạ A D, giúp P kê đà bật mực, tại 2 cây số 03 và 04 có khối lượng 6,545 m^3 do bị cáo P nhờ, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa khai nhận không được tham gia bàn bạc xẻ cây gỗ từ trước đến khi P nhờ giúp thì mới biết việc bị cáo P đã cắt hạ 04 cây gỗ từ trước, hơn nữa do khối lượng không đủ để truy cứu trách nhiệm hình sự, Công an huyện B đã chuyển hồ sơ đề nghị Hạt Kiểm lâm huyện B xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền nên không đề cập đến.

[4] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cân nhắc, xem xét nhân thân các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự trong vụ án này không có.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật đã phối hợp với cơ quan điều tra xác định hiện trường vụ án, chưa có tiền án, tiền sự, là người dân tộc thiểu số sống ở vùng điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình là hộ nghèo. Xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, vì vậy không cần thiết phải cách ly mà giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú quản lý giáo dục.

[5] Từ những căn cứ trên, xét thấy, mức án đại diện Viện Kiểm sát đề nghị xử phạt bị cáo về hình phạt, xử lý vật chứng, miễn hình phạt bổ sung phạt tiền và miễn án phí đối với bị cáo có căn cứ chấp nhận.

[6] Tại phiên tòa Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo Mua A P đề nghị giảm nhẹ cho bị cáo, và miễn toàn bộ án phí cho bị cáo là có căn cứ cần được chấp nhận.

[7] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo không có việc làm, không có tài sản nên miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền cho bị cáo.

[8] Trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại đơn đề nghị nguyên đơn dân sự không yêu cầu gì nên HĐXX không xem xét.

[9] Về xử lý vật chứng: Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự xử lý như sau: Tịch thu sung quỹ nhà nước: 03 cây gỗ Sến nhóm II gỗ thông thường có tổng khối lượng 14, 676m^3. 01 thanh gỗ dạng xà có kích thước 9,56m x 16cm x 03cm có khối lượng 0,046m^3. Khối lượng quy tròn là 0,073m^3**;** 01 máy cưa xăng màu đỏ - đen; nhãn hiệu: GASOLINE SAW 5900; 01 lam máy cưa xăng, màu xám - đen, 01 xích máy cưa, đã qua sử dụng.

Tịch thu tiêu hủy: 01can nhựa màu vàng, có chữ VIET NHAT, đã qua sử dụng.

[10] Về án phí: Hội đồng xét xử căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 14, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, miễn toàn bộ án phí cho bị cáo.

[11] Quyền kháng cáo: Bị cáo; nguyên đơn dân sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 232; Điều 50; Điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự; Điều 2, Điều 4 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; Điều 125 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Tuyên bố: Bị cáo Mua A P phạm tội Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản.

Xử phạt : Bị cáo Mua A P 14 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 28 tháng, thời hạn thử thách kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Mua A P cho Ủy ban nhân dân xã G, huyện B, tỉnh Hà Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thửa thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên,thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo theo quy định khoản 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 68 của Luật thi hành án hình sự.

Hủy bỏ ngay biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo Mua A P.

Về vật chứng: Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước : 03 cây gỗ Sến nhóm II gỗ thông thường có tổng khối lượng 14, 676m^3. 01 thanh gỗ dạng xà có kích thước 9,56m x 16cm x 03cm có khối lượng 0,046m^3. Khối lượng quy tròn là 0,073m^3; 01 máy cưa xăng màu đỏ - đen; nhãn hiệu: GASOLINE SAW 5900; 01 lam máy cưa xăng, màu xám - đen, 01 xích máy cưa, đã qua sử dụng.

Tịch thu tiêu hủy: 01can nhựa màu vàng, có chữ VIET NHAT, đã qua sử dụng.

(*Tình trạng vật chứng như trong biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B và Chi cục Thi hành án dân sự huyện B ngày 28/5/2020*).

Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 14, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, miễn toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo; người bảo vệ quyền lợi cho bị cáo; nguyên đơn dân sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Hà Giang;*
- *VKSND tỉnh Hà Giang;*
- *VKSND huyện B;*
- *Công an huyện B (3);*
- *Chi cục THADS huyện B;*
- *Trung tâm trợ giúp pháp lý.*
- *UBND xã G.*
- *Bị cáo;*
- *Nguyên đơn dân sự;*
- *Lưu hsva, hstha, vp.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã Ký)

Hoàng Văn Thuận